

TỪ NỐI

Connectives (các từ nối): có chức năng nối các từ, các mệnh đề, các câu lại với nhau.

I. AND, BUT, OR, SO, BECAUSE, THEREFORE

1. **And** (và): dùng để thêm thông tin vào câu nói

EX: My hobbies are playing soccer and listening to music.

2. **But** (nhưng): dùng để nêu lên hai thông tin đối ngược nhau

EX: I want other car but I have no money.

3. **Or** (hoặc): dùng để giới thiệu một khả năng khác

EX: Would you like tea or coffee?

4. **So** (do đó, cho nên, vì vậy): dùng để chỉ kết quả, hệ quả, phía trước **so** luôn có dấu phẩy ngăn cách

EX: It's raining, so I'll stay home and read.

5. **Because** (bởi vì): dùng để chỉ nguyên nhân, luôn đứng trước mệnh đề phụ thuộc

EX: I failed in my exam because I didn't study.

6. **Therefore** (do đó, cho nên): dùng để nêu lên kết quả của sự việc được nhắc đến trong câu trước đó. Dùng sau dấu (;) hoặc dấu (.), trước dấu (,).

EX: I passed the test; therefore, my parents took me to the circus.

II. ALTHOUGH, IN SPITE OF/ DESPITE, HOWEVER, NEVERTHELESS

1. **Cụm từ và mệnh đề chỉ sự tương tác: in spite of/ despite và although**

a. Cụm từ chỉ sự tương phản: in spite of/ despite (mặc dù/ bất chấp)

- Sử dụng cụm từ **in spite of/ despite** trước một danh từ hoặc một cụm danh từ

In spite of/ Despite + N/ cụm danh từ/ V-ing.

EX: Despite/ in spite of being so young/ his young age, he performs excellently.

(Mặc dù còn rất trẻ nhưng cậu ấy biểu diễn rất xuất sắc)

b. Mệnh đề chỉ sự tương phản: though/ although/even though

- Sử dụng although/ though (mặc dù) trước một mệnh đề mang nghĩa tương phản đối lập.

Although/ Though/ Even though + S + V (mệnh đề)

EX: Although the weather was bad, we had a wonderful holiday

(Mặc dù thời tiết xấu, chúng tôi vẫn có một kì nghỉ hết sức tuyệt vời)

2. Từ chỉ sự tương phản: However/ Nevertheless (tuy nhiên)

However/ Nevertheless, S + V

- However/ Nevertheless đứng ở giữa mệnh đề được ngăn cách với hai mệnh đề bởi dấu “,” và dấu “;” hoặc giữa dấu “.” và “,”

EX: She is young. However, she is very talented.

(Cô ấy còn trẻ. Tuy nhiên cô ấy rất tài năng)

It rained very hard; nevertheless, I went to school on time.

(Trời mưa rất to, tuy nhiên, tôi đi học đúng giờ)

- Ngoài ra, để nhất mạnh ý tương phản, đối nghịch chúng ta có thể sử dụng như một trạng từ bổ sung cho một tính từ hoặc trạng từ khác.

However + adj + S + be, mệnh đề.

However + adv + S + V, mệnh đề.

EX: However cold the weather is, I will go out now.

(Dù thời tiết lạnh thế nào đi nữa, tôi vẫn đi ra ngoài)

However quickly he ran, he didn't go to school on time.

(Dù có chạy nhanh thế nào thì anh ấy vẫn không đến trường đúng giờ)

BÀI TẬP

I/ BÀI TẬP AND, OR, BUT, SO, BECAUSE

BÀI TẬP 1 

BÀI TẬP 2 

BÀI TẬP 3 

BÀI TẬP 4 

BÀI TẬP 5 

BÀI TẬP 6 

II/ BÀI TẬP ALTHOUGH, IN SPITE OF/ DESPITE, HOWEVER, NEVERTHELESS

BÀI TẬP 1 

BÀI TẬP 2 

BÀI TẬP 3 

BÀI TẬP 4 

BÀI TẬP 5 

BÀI TẬP 6 

BÀI TẬP 7 

BÀI TẬP 8 